

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

---



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

**Bắc Ninh, năm 2023**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

### NỘI DUNG

#### I. Thông tin chung.

##### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/03/2023.
- Vốn điều lệ: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 118 - Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 02223 826 746
- Số fax: 02223 823 366
- Website: www.inwama4.vn

##### ***Quá trình hình thành và phát triển:***

Tiền thân Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 (Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4) là Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4 được thành lập 11/7/1964, là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngày 03/12/2014 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 4568/QĐ – BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4, thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thành Công ty cổ phần.

- Ngày 04/02/2015 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Quyết định số 134/QĐ - CĐTND của về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

- Ngày 05/3/2015 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15/03/2023.

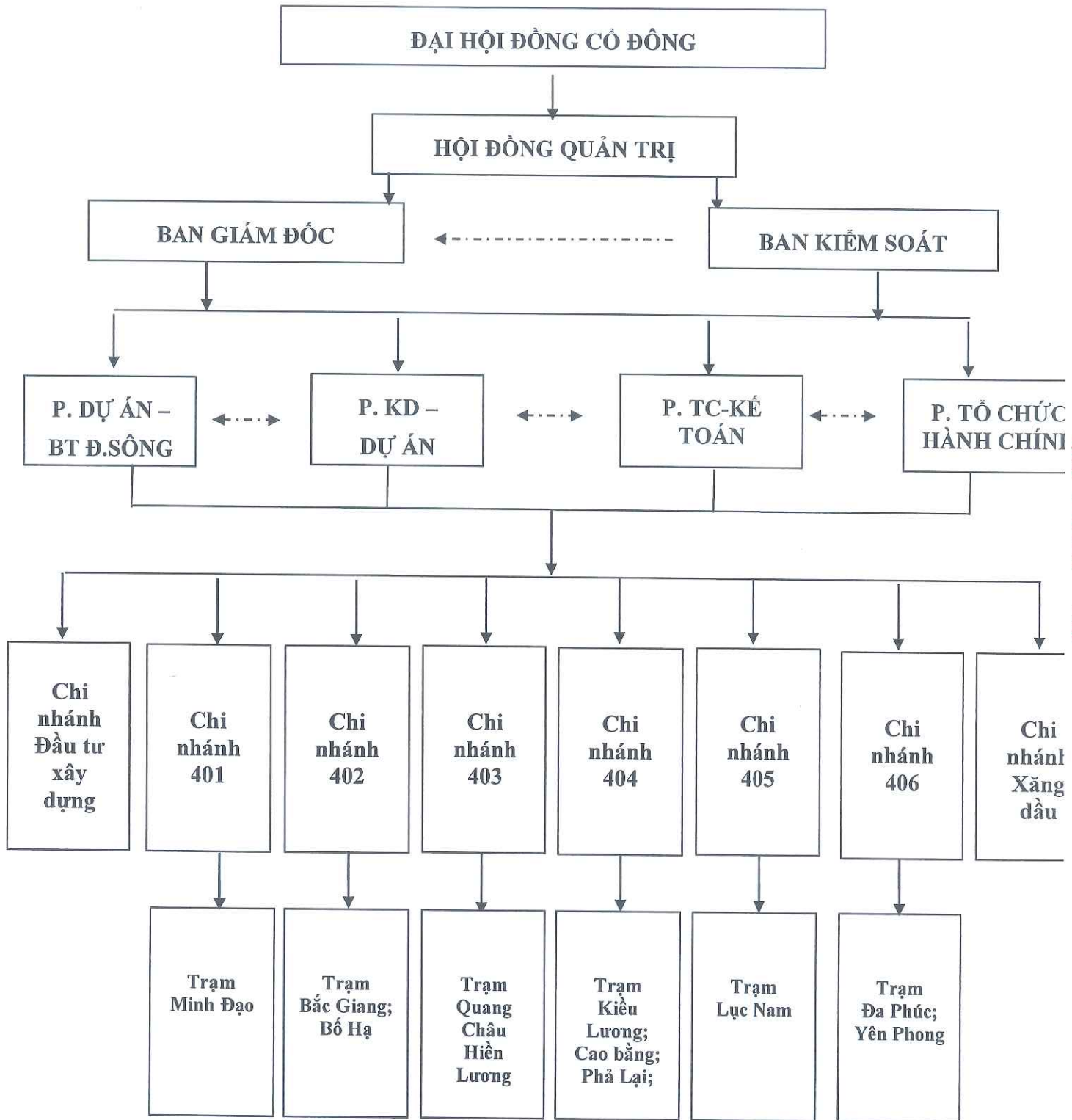
## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4	Xây dựng công trình công ích	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899
15	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.	7110
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021

21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	7830
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
26	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
27	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	<i>Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

\* Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại khu vực Phía Bắc.

### 3. SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY



**Ghi chú:**

Quan hệ điều hành:  $\longrightarrow$

Quan hệ phối hợp:  $\longleftrightarrow$

Quan hệ giám sát:  $\dashrightarrow$

### **3.1. Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, quyết định các vấn đề liên quan:

- Thông qua Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ hoạt động;
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty quy định.

### **3.2. Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

### **3.3. Ban kiểm soát:**

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty; báo cáo tài chính năm, các vấn đề kiểm toán, hoạt động của Công ty;
- Hàng năm, trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty;

### **3.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Có trách nhiệm giám sát Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

### **3.5. Ban Giám đốc điều hành:**

Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, người điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các quyết định của mình và kết quả hoạt động kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc Công ty, điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

#### **Các phòng chức năng:**

Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc của trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

### **3.6. Các phòng nghiệp vụ:**

#### **\* Các phòng:**

- 1.1- Phòng Dự án Bảo trì đường sông;
- 1.2- Phòng Kinh doanh – Dự án;
- 1.3- Phòng Tổ chức Hành chính;
- 1.4- Phòng Tài chính – Kế toán;

#### **\* Các đơn vị trực thuộc:**

- |   |  |
|---|--|
| + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh Xăng dầu.             | + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh Đầu tư Xây dựng.                     |
| + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 401:<br>Trạm Minh Đạo | + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 402:<br>Trạm Bắc Giang<br>Trạm Bồ Hạ |

+ Công ty cổ phần Quản lý đường  
sông số 4 -Chi nhánh 403:  
Trạm Hiền Lương  
Trạm Quang Châu

+ Công ty cổ phần Quản lý đường  
sông số 4 -Chi nhánh 405:  
Trạm Lục Nam

+ Công ty cổ phần Quản lý đường  
sông số 4 -Chi nhánh 404:

Trạm Kiều Lương  
Trạm Cao Bằng  
Trạm Phả Lại

+ Công ty cổ phần Quản lý đường  
sông số 4 -Chi nhánh 406:

Trạm Đa Phúc  
Trạm Yên Phong

**\* Mô hình tổ chức bộ máy:**

Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: 07 người (01 Chủ tịch, 6 thành viên HĐQT)

Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 thành viên)

Ban Giám đốc: 03 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc)

**3.6.1- Phòng Dự án – Bảo trì đường sông:**

**Chức năng:**

Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

Chủ trì xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, hoạt động của Công ty;

Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật;

Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phòng quản lý

Quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:

+ Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;

+ Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;

+ Đề xuất phương án triển khai thi công;

+ Thanh quyết toán A, B;

+ Lưu trữ hồ sơ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án;

Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư và xúc tiến đầu tư

Thực hiện các chức năng khác do Giám đốc giao.

**Nhiệm vụ, quyền hạn và định biên nhân sự:**

**Nhiệm vụ quyền hạn:**

Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;

Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.

Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tổng tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện

tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, để đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ, và đảm bảo cho công trình khi thi công.

Công tác tham gia, cho ý kiến văn bản định mức quy chế khi có yêu cầu của ngành dọc, Bộ, Cục, của cơ quan quản lý nhà nước khác;

Công tác tham gia cho ý kiến liên quan tuyển luồng thuộc phạm vi Công ty được giao, đặt hàng, hợp đồng bảo trì;

Duy tu bảo trì tuyến, công tác đặc thù;

Công tác phòng va trôi, chống bão lũ, thiên tai;

Kiểm tra liên ngành, phối hợp cùng các địa phương;

Quản lý kinh doanh thương mại xăng dầu;

Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

### ***Định biên nhân lực***

Với khối lượng công việc như trên Phòng Dự án – Bảo trì đường sông, biên chế 05 người, trong đó:

01 Trưởng phòng;

02 Phó Phòng;

02 chuyên viên.

### **3.6.2- Phòng Kinh doanh – Dự án:**

#### **Phòng Kinh doanh - Dự án**

#### **Chức năng:**

Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

Chủ trì quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:

+ Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;

+ Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;

+ Đề xuất phương án triển khai thi công;

+ Thanh quyết toán A, B công trình;

+ Lưu trữ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án.

Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật; Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực được giao;

Công tác xây dựng kế hoạch, sản xuất kinh doanh đầu tư và xúc tiến đầu tư;

Tham gia xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động của Công ty;

Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

Thực hiện các chức năng khác do Ban Giám đốc giao.

### **3.2. Nhiệm vụ quyền hạn, định biên nhân sự**

#### ***Nhiệm vụ quyền hạn:***

- Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;

Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.

Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát soát kết quả thực hiện tiến độ

theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ cho công trình khi thi công.

Công tác điều tiết đảm bảo ATGT;

Công tác điều tiết phục vụ các công trình thi công xây dựng;

Sản xuất, sửa chữa, thay thế báo hiệu thủy bộ, cơ khí;

Dịch vụ xây dựng công trình;

Quản lý hồ sơ, giấy tờ, tổ chức đăng ký, đăng kiểm các phương tiện thủy trong Công ty, tham mưu việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, và sửa chữa lớn các phương tiện thủy trong Công ty.

Tham mưu việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa lớn xe ô tô phục vụ công tác sản xuất kinh doanh trong Công ty, quản lý hành trình các xe, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí nhiên liệu phục vụ hoạt động các xe.

Quản lý dự án kinh doanh xăng, dầu của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc

#### ***Định biên nhân sự***

Với khối lượng công việc như trên Phòng Kinh doanh - Dự án, biên chế 06 người, trong đó:

01 Trưởng phòng;

01 Phó Phòng;

04 chuyên viên.

### **3.6.3- Phòng Tổ chức Hành chính;**

#### **I. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng TC-HC:**

##### ***Chức năng:***

Tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đội ngũ CB-CNV thuộc phạm vi đã được phân cấp quản lý.

Nghiên cứu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để đề đạt quy mô tổ chức sản xuất, tổ chức lao động phù hợp, quản lý chặt chẽ, bảo đảm không ngừng tăng năng xuất lao động trong Công ty.

Tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách đã được Nhà nước qui định, đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức quần chúng của Đảng (công đoàn, đoàn thanh niên), tổ chức các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, sơ tổng kết khen thưởng kịp thời nhằm động viên hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Công ty.

Tổ chức giáo dục CB-CNV nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản và trật tự cơ quan.

##### ***Nhiệm vụ:***

Giúp Giám đốc nắm vững tình hình từng CBCNV trong Công ty. Nắm vững trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, năng lực, sở trường, nguyện vọng, sức khỏe, lịch sử gia đình bản thân của từng CBCNV để có kế hoạch bồi dưỡng đúng năng lực, nhằm phát huy khả năng trình độ, phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Căn cứ vào tình hình sản xuất của Công ty, nghiên cứu xây dựng chức trách, nhiệm vụ, đề xuất, thành lập hoặc giảm nhẹ tổ chức sản xuất cho phù hợp yêu cầu thực tế của Công ty.

Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của Công ty lập kế hoạch lao động - tiền lương và quy chế sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, kế hoạch cải thiện chế độ, điều kiện làm việc, bảo hiểm lao động, kế hoạch BHYT và có những biện pháp thực hiện những kế hoạch đó có hiệu quả tốt nhất.

Tham mưu đề xuất điều động, điều phối CB-CNV trong nội bộ sao cho sử dụng hiệu quả nguồn lao động nội bộ hiện có và kiến nghị cấp trên điều động.

Quản lý chặt chẽ, chính xác hồ sơ lý lịch CB-CNV thuộc quyền phân cấp quản lý của Công ty.

Lập kế hoạch thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật hàng năm đúng chính sách, chế độ.

Nghiên cứu thực hiện đúng đắn đường lối chính sách cán bộ của Đảng trong việc bổ nhiệm sử dụng cán bộ theo phân cấp quản lý.

Tổ chức điều tra, kiểm tra các vụ tai nạn lao động, kết hợp với công đoàn các sở cơ quan địa phương và cơ quan nhà nước có liên quan giải quyết.

Nghiên cứu sử dụng lao động thật hợp lý và khoa học, tổ chức thực hiện tốt kỷ luật lao động, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, xây dựng các chỉ tiêu định mức lao động, hình thức trả lương sản phẩm hợp lý nhằm khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động góp phần giảm, hạ giá thành sản phẩm.

Quản lý và giám sát chặt chẽ chế độ trả lương chế độ tiền thưởng đúng chính sách đúng chế độ và đúng quy chế trả lương đã được Công ty xây dựng.

Thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất đến lãnh đạo Công ty và cấp trên đúng thời gian quy định và phân cấp báo cáo (tháng, năm).

Theo dõi, phân tích hồ sơ các vụ việc vi phạm kỷ luật trình giám đốc triệu tập hội đồng xử lý, giáo dục kịp thời.

Theo dõi thống kê tình hình sử dụng, quản lý thời gian lao động, tiền lương và năng suất lao động và có phương án đề xuất quản lý lao động có hiệu quả hơn

Tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng nhắc nhở ý thức bảo mật phòng gian, an ninh trật tự trong nội bộ.

Soạn thảo văn bản theo nhiệm vụ được giao, trình ký văn bản, đóng dấu, in ấn và phát hành đúng theo địa chỉ nơi nhận.

Tiếp nhận công văn, tài liệu đến và trình lãnh đạo xem xét để có sự chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại để giải quyết công việc khi được Công ty uỷ quyền.

Trang cấp, quản lý, điều chuyển thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ làm việc cho lãnh đạo công ty và các phòng theo yêu cầu đòi hỏi của công việc.

Tổ chức công tác bảo vệ, công tác vệ sinh, giữ gìn an ninh trật tự nơi làm việc, quản lý giờ giấc làm việc của CBCNV văn phòng.

Cấp giấy đi đường, giấy giới thiệu cho lãnh đạo và cán bộ đi công tác. Bố trí và điều động xe con phục vụ lãnh đạo theo yêu cầu.

Quan hệ với chính quyền sở tại để giải quyết các thủ tục hành chính cho CBCNV đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

Phối hợp với công đoàn xây dựng các tiêu chuẩn thi đua khen thưởng và tham mưu cho lãnh đạo xét duyệt, đề nghị các mức mức khen thưởng khi CBCNV có thành tích trong lao động sản xuất.

#### **Quyền hạn:**

Được quyền kiểm tra tình hình sử dụng, quản lý lao động, chấp hành kỷ luật lao động, chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và quy chế quản lý các mặt của Công ty đối với người lao động trong các đơn vị sản xuất, công tác của Công ty.

Được quyền điều động, điều hoà lao động trong nội bộ nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất sau khi đã xin ý kiến của Giám đốc.

Được quyền tổ chức phối hợp các phòng ban liên quan, kiểm tra đình chỉ những máy móc, thiết bị công cụ những bộ phận và cá nhân không chấp hành quy tắc và đảm bảo an toàn lao động xét thấy có thể gây ra tai nạn nguy hiểm đến tính mạng công nhân, tài sản nhà nước (việc đình chỉ có thể báo cáo Giám đốc trước hoặc sau khi quyết định).

Được quyền triệu tập các cuộc họp bàn, chuyên đề về công tác nhân sự, tiền lương, phổ biến chính sách chế độ đãi ngộ của người lao động.

Được quyền từ chối cung cấp chứng từ, hồ sơ, số liệu cho tổ chức hoặc cá nhân khi xét thấy không có lợi của người lao động, hoặc không thuộc chức năng của họ khi chưa có ý kiến của Giám đốc Công ty.

Được ký sao lục các văn bản chế độ chính sách của người lao động và cấp trên đối với công tác nhân sự tiền lương (Giám đốc uỷ quyền)

Được quyền yêu cầu các phòng ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc cung cấp số liệu, chứng từ đầy đủ kịp thời phục vụ cho xây dựng kế hoạch yêu cầu về quản lý và báo cáo có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phòng khi cần, không cần chờ ý kiến của lãnh đạo Công ty.

### **3.6.4- Phòng Tài chính – Kế toán**

#### **I. Chức năng, nhiệm vụ, nhân sự của phòng Tài chính – Kế toán**

##### **Chức năng, nhiệm vụ:**

Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh đối với sản xuất phụ, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;

Công tác giao dịch với cơ quan tài chính, quản lý như Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các ngân hàng thương mại và các đối tác kinh doanh khác;

Tổ chức hệ thống tài chính, kiểm soát hồ sơ, chứng từ đầu vào, đầu ra, tổ chức bộ máy hạch toán kế toán, chi tiết cho từng bộ phận kế toán cụ thể:

- + Kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động.
- + Kế toán thanh toán.
- + Kế toán giao dịch kho bạc.
- + Kế toán giao dịch ngân hàng.

- + Kế toán thuế.
  - + Kế toán tài sản cố định.
  - + Kế toán tiền lương, và các khoản trích lập theo lương.
  - + Kế toán tiền mặt.
  - + Kế toán công nợ.
- Công tác thủ quỹ, thủ kho.

## **II. Nhân sự:**

Phòng kế toán tài vụ là phòng chức năng trực thuộc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, nhân sự hiện có của phòng là 05 cán bộ, gồm 01 nam và 04 nữ, cụ thể:

- 01 Trưởng Phòng – Phụ trách chung
- 01 Phó Phòng phụ trách hạch toán kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các phải nộp theo lương, kế toán công nợ toàn Công ty; Các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công
- 01 Phó phòng phụ trách giao dịch ngân hàng, kho bạc, thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng Phòng phân công.
- 01 kế toán viên chuyên trách theo dõi kinh doanh xăng dầu; Kế toán thanh toán; Kế toán Thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công;
- 01 thủ quỹ kiêm thủ kho.

### 3.6.5- Chi nhánh Xăng dầu:

#### Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

**3.6.6- Chi nhánh Đầu tư – Xây dựng:**  
*Ngành nghề kinh doanh*

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 <i>(chính)</i>
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

### **3.6.7. Chi nhánh 401, 402, 403, 404, 405, 406:**

#### **Vị trí và chức năng**

Chi nhánh 401, 402, 403, 404, 405, 406 là đơn vị trực tiếp sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng.

#### **Nhiệm vụ Chi nhánh 401,402, 403, 404, 405, 406:**

Trực tiếp thực hiện:

Công tác duy tu, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa;

Công tác điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công các công trình trên đường thủy nội địa quốc gia;

Công tác phòng chống bão lũ, chống va trôi, tìm kiếm cứu nạn;

Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán nội bộ;

Quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị theo quy định của cục Công ty;

Xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, thực hiện chế độ báo cáo đối với Giám đốc Công ty;

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác Ban lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ.

#### **Phạm vi hoạt động**

##### **Chi nhánh 401:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 34 km sông Đuống (từ km 14 đến km 48); Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Minh Đạo;

##### **Chi nhánh 402:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 52 km sông Thương (từ km 10 đến km 62); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Bắc Giang; Bồ Hạ;

##### **Chi nhánh 403:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 58 Km Sông Cầu từ (Km 00 – km 58); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Hiền Lương; Quang Châu;

##### **Chi nhánh 404:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 87 km: 07 km sông Thái Bình (từ km 93 đến km 100); 56 km sông Bằng Giang (từ km 00 đến km 56); Sông Đuống 14 km (từ km00 đến km 14); Sông Thương 10 km (Từ Km00 đến km10); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa Kiêu Lương; Phả Lại; Trạm Cao Bằng.

##### **Chi nhánh 405:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 56 km sông Lục Nam (từ km 00 đến km 56); Trạm Quản lý đường thủy nội địa Lục Nam;

### **Chi nhánh 406:**

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 65 km:19 km sông Công (từ km 00 đến km 19); 46 Km Sông Cầu (Từ km 58 đến km 104) Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa Yên Phong; Đa Phúc;

#### **Cơ cấu tổ chức:**

##### **Văn phòng Chi nhánh:**

Gồm chuyên viên Dự án và Kỹ thuật; nhân viên Kế toán thống kê kiêm thủ quỹ, văn phòng.

##### **Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa:**

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa được sử dụng con dấu riêng, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Trạm;

##### **Các chức danh lãnh đạo thuộc Chi nhánh**

Chi nhánh Xí nghiệp do Giám đốc Chi nhánh trực tiếp lãnh đạo, phó Giám đốc giúp việc.

Trạm Quản lý đường thủy nội địa do Trạm trưởng lãnh đạo, Phó Trạm trưởng giúp việc.

Giám đốc Chi nhánh do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; phó Giám đốc Chi nhánh, Trạm trưởng, Trạm phó do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh.

##### **Mối quan hệ công tác giữa Chi nhánh Xí nghiệp với các Trạm Quản lý đường thủy nội địa và các Phòng Ban:**

Chi nhánh Xí nghiệp 401, 402, 403, 404, 405, 406 chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp trong phạm vi được quy định tại Quyết định này.

Các Phòng ban có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động công tác của 06 Chi nhánh Xí nghiệp trên.

Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.

### **3.7. Các công ty con, công ty liên kết:**

*a. Các công ty con:* Không có

*b. Các Công ty liên kết:* Không có

### **4. Định hướng phát triển:**

Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần;

Xây dựng chiến lược, kiện toàn, mô hình tổ chức của Công ty, mục tiêu là đưa các hoạt động của Công ty phát triển mạnh bền vững, đưa các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty ra thị trường trên toàn quốc. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định đạt mục tiêu về lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư;

Công ty tìm ra các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường kinh doanh của Công ty, giữ ổn định thị trường.

Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ môi trường và tham gia phát triển cộng đồng;

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng yêu cầu đổi mới, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh;

**+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 định hướng hoạt động kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy quản trị điều hành. Trong thời gian tới cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế và kế hoạch cho tất cả cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tìm kiếm nhà đầu tư góp vốn, tăng cường năng lực tài chính;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: Có chính sách đãi ngộ xứng đáng để xây dựng Công ty với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển bền vững.

**+ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)**

Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

## **5. Các rủi ro:**

**+ Rủi ro kinh tế:**

Trước biến động của nền kinh tế nói chung và khó khăn của ngành giao thông vận tải nói riêng. Hội đồng quản trị đã xác định xây dựng chiến lược kinh doanh trên cơ sở tận dụng thế mạnh của doanh nghiệp ngành nghề đặc thù bảo trì và đảm bảo an toàn giao thông. Kinh doanh thương mại xăng dầu đang trên đà khởi sắc.

**+ Rủi ro về lạm phát:**

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, vấn đề này ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận và kết quả kinh doanh của Công ty.

**+ Rủi ro về lãi suất:**

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp: Kiểm soát chặt công nợ phải thu, tối ưu hóa quay vòng vốn, tăng quay vòng đồng tiền, cơ cấu lại các khoản vay.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm.**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Trong năm 2023, Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 vượt qua những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội chỉ đạo đơn vị thực hiện đặt hàng và đấu thầu quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Cầu Phạt tích; thường trực chống va trôi mùa bão lũ Cầu Hồ; các công trình khác và kinh doanh thương mại, doanh thu năm 2023 của Công ty: 107.075.435.154 đồng đạt 101,8% so với kế hoạch năm 2023; số nộp ngân sách nhà nước: 3.053.150.195 đồng; lợi nhuận sau thuế đạt: đồng đạt % so với kế hoạch năm 2023.

**Bảng số 1: Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch năm 2023**

TT	Kế hoạch năm 2023 (đồng)	Thực hiện năm 2023 (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>105.100.000.000</b>	<b>107.075.435.154</b>	<b>101,8%</b>
Doanh thu từ QLBT đường thủy NỘI ĐỊA	18.200.000.000	17.772.497.597	97,6%
Doanh thu từ ĐTKC đảm bảo giao thông, ĐT chống va trôi ;Quảng Ninh	28.300.000.000	22.292.698.483	78,7%
Doanh thu khối xây dựng và lĩnh vực khác	2.600.000.000	318.588.729	12,5%
Doanh thu từ hoạt động thương mại	56.000.000.000	66.691.650.345	119%
Lợi nhuận trước thuế	2.100.000.000	576.096.406	27,43
Lợi nhuận sau thuế	1.680.000.000	143.191.365	8,52
Chi trả cổ tức (NQ ĐHCĐ 2023) 10% (1.000 đ/cổ phần x 1.160.000 cổ phần)	1.160.000.000		
Quỹ khen thưởng	420.000.000		
Quỹ phúc lợi	100.000.000		
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.300.000	8.300.000	100%

Hoạt động doanh thu và chi phí của năm 2023 theo số liệu kiểm toán mốc thời gian từ 01/01/2023 đến 31/12/2023.

**Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2022-2023**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022(đồng)	Năm 2023(đồng)	Tỷ lệ % năm 2022 so với năm 2023
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.199.259.406	107.075.435.154	100,8%
2	Doanh thu thuần	106.199.259.406	107.075.435.154	100,8%
3	Lợi nhuận gộp	17.056.069.198	16.189.971.835	94,9%
4	Lợi nhuận thuần	2.472.591.213	1.049.812.287	42,5%
5	Lợi nhuận khác	-281.091.364	-473.715.881	168,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	2.191.499.849	576.096.406	26,3%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.696.981.606	143.191.635	8,4%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 của Công ty)

**Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2022-2023**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023(đồng)	Tỷ lệ % năm 2023 so với năm 2022
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	106.199.259.406	107.075.435.154	100,8%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	5.063.261	187.544.402	3.704%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 của Công ty)

### Cơ cấu chi phí

**Bảng số 4: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2022-2023**

TT	Năm 2022 (đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2022 (%)	Năm 2023 (đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2023 (%)
Giá vốn hàng bán	89.143.190.208	83,9%	90.885.463.319	84,9%
Chi phí tài chính	2.414.299.607	2,3%	2.907.346.414	2,7%
Chi phí bán hàng	3.150.098.328	3%	2.956.404.337	2,8%
Chi phí QLQLDN	9.024.143.311	8,5%	9.463.953.199	8,8%
Chi phí khác	281.091.364	0,3%	474.970.040	0,4%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>104.012.822.818</b>	<b>97,9%</b>	<b>106.599.137.309</b>	<b>99,6%</b>
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>106.199.259.406</b>		<b>107.075.435.154</b>	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 của Công ty)

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban Giám đốc điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ CM	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Hồng Minh	1982	Giám đốc	CN kinh tế	20,45%
2	Trần Văn Ôn	1970	Phó Giám đốc	CN kinh tế	7,33%
3	Trịnh Đình Kiên	1969	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTT	7,63%

*Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Giám đốc điều hành:*

**1. Phạm Hồng Minh – Giám đốc:**

<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>PHẠM HỒNG MINH</b>
- Số CCCD	0270820061xx cấp ngày 18/10/2022 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2016	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	237.201 cổ phần chiếm 20,45% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

## 2. Phó Giám đốc: Trần Văn Ôn

Họ và tên	TRẦN VĂN ÔN
- Số CCCD	0360700085xx cấp ngày 13/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	09/01/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại chỉ hiện tại	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T9/1992-T11/2002	Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4
T12/2002-T12/2003	Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T01/2003-T7/2004	Trạm trưởng Trạm QLĐS Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T8/2004-T6/2013	Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4;
T7/2013-T12/2015	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 – 05/02/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
06/02/2017 đến 21/4/2022	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
- Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4;
- Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	85.045 cổ phần chiếm 7,33% Vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

### 3. Phó Giám đốc: Trịnh Đình Kiên

Họ và tên	TRỊNH ĐÌNH KIÊM
- Số CCCD	0270690026xx cấp ngày 25/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	12/9/1969
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 5, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh. Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Khu 5, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh. Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T5/1992-T10/2004	Trạm QLĐTND Minh Đạo
T10/2004-T12/2004	Trạm QLĐTND Kiều Lương
T12/2004-T12-2006	Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T12/2006-T2/2015	Đội trưởng Đội Công trình – Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 05/02/2017	Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTND số 4
Từ 06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLĐS số 4 Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn; Bí thư Chi bộ xây dựng công trình.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	88.519 cổ phần chiếm 7,63% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

#### 4. Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán:

Họ và tên	VŨ XUÂN TRƯỜNG
- Số CCCD	0270780103xx ; Ngày cấp: 25/06/2021; do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	30/10/1978
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác	
Từ tháng 11/2001 đến tháng 7/2003	Công tác tại Đội công trình – Đoạn quản lý đường sông số 4
Từ tháng 8/2003 đến tháng 8/2005	Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Bắc Giang
Từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2008	Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Quang Châu
Từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2011	Công tác Tại Đội Công trình – Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4
Từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2015	Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4
Từ tháng 5/2015 đến nay	Công tác tại Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán – Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	72.726 cổ phần chiếm 6,27% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

## Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

### + Chính sách đào tạo:

Công ty rất chú trọng vào lĩnh vực đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại lực lượng lao động. Kế hoạch đào tạo hàng năm căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp;

### Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Lương của người lao động được trả theo quy chế trả lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành. Năm 2023 Công ty Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 số 08/QĐ-ĐS4 ngày 06/01/2023;

+ Trả lương theo thời gian đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ, Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành công việc trong tháng.

+ Trả lương khoán cho các khối kinh doanh Xăng dầu; Chi nhánh Đầu tư, xây dựng; Chi nhánh 401, 402; 403; 404; 405; 406;

+ Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm: Tết Dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương; Kỷ niệm ngày Giải phóng Miền Nam 30/4 – Ngày Quốc tế lao động 1/5; Ngày Quốc khánh 2/9 và Tết Âm lịch.

Lao động bình quân của Công ty năm 2023 là: người.

Thu nhập bình quân: 8.300.000 đồng/người/tháng.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Trang bị 02 xuồng cao tốc 40CV trị giá 360.000.000 đồng.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a) Tình hình tài chính

**Bảng số 5: Tình hình tài chính**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	% tăng giảm năm 2023 so với năm 2022
1	Tổng tài sản	84.872.521.916	70.911.581.738	86,6%
2	Doanh thu thuần	106.199.259.406	107.075.435.154	100,8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.472.591.213	1.049.812.287	42,5%
4	Lợi nhuận khác	-281.091.364	-473.715.881	168,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.191.499.849	576.096.406	26,3%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.696.981.606	143.191.365	8,4%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%		

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, năm 2023 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

**Bảng số 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh $(=(\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}) / \text{Nợ ngắn hạn})$	Lần	0,95	0,94
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,74	0,82
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,98	4,61
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,73	10,32
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân)	Vòng	1,25	1,51
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,6%	0,13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,96%	1,13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2%	0,2%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,33%	0,98%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, năm 2023 của Công ty)

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.160.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)

**b) Cơ cấu cổ đông:**

**Bảng số 7: Cơ cấu cổ đông**

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>1. Cổ đông trong nước</b>	<b>99</b>	<b>1.160.000</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>100%</b>
1.1. Tổ chức				
1.2. Cổ đông cá nhân	99	1.160.000	11.600.000.000	100%
2. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
3. Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
<b>Tổng cộng</b>	<b>99</b>	<b>1.160.000</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 ngày 31/12/2023)

**Bảng số 8: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2023**

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1. Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	182.747	1.827.470.000	15,75%
2. Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	237.201	2.372.010.000	20,45%
3. Trịnh Đình Kiên	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	88.519	885.190.000	7,63%
4. Trần Văn Ôn	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	85.045	850.450.000	7,33%
5. Nguyễn Phi Trường	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	74.214	742.140.000	6,4%
6. Vũ Xuân Trường	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	72.726	727.260.000	6,27%
7. Nguyễn Văn Tặng	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4	65.477	654.770.000	5,64%
<b>Tổng cộng</b>		<b>805.929</b>	<b>8.059.290.000</b>	<b>69,48%</b>

*(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 đến 31/12/2023)*

- d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- f) Các chứng khoán khác: Không có

**6. Chính sách liên quan đến người lao động:**

**a) Số lượng lao động, mức lao động trung bình đối với người lao động:**

Số lượng lao động bình quân tính đến 31/12/2023 : người

Về chính sách phân phối tiền lương năm 2023; căn cứ vào Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4;

Mức lương bình quân năm 2023: 8.300.000 đồng /người/tháng

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc, đối với lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn cho người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời kiểm tra giám sát thường xuyên.

Công ty đã lo đầy đủ về tinh thần và vật chất trong các ngày lễ, tết trong năm mức : 700.000 đ/người/ngày lễ.

### **6.1- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến học, năm 2023 Công ty đã khen thưởng cho các cháu đạt thành tích học sinh giỏi các cấp và các cháu thi đỗ Đại học với tổng số tiền: 24.350.000 đồng.

Công ty đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ nhân đạo, ủng hộ chất độc da cam, vì người nghèo, khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai...

### **6.2- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Không có

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1. Khó khăn:**

Doanh thu quản lý bảo trì đường thủy nội địa, va trôi các cầu mùa lũ năm 2022, chi phí chung giảm gây nên không ít khó khăn về đời sống, việc làm an sinh cho người lao động.

#### **1.2. Thuận lợi:**

Trước những khó khăn trên Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ mô hình quản lý hành chính sự nghiệp sang Công ty cổ phần đã chuyển mạnh mẽ, bước đầu đạt được kết quả trong hoạt động kinh doanh và gia nhập vào những lĩnh vực mới nhiều tiềm năng. Bằng chiến lược kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty chủ động sáng tạo, đoàn kết, hoạch định phù hợp với tình hình thực tế đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2023— thể hiện qua các con số sau (Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán).

#### **1.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh;**

Năm 2023, Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 4 đã đạt mức doanh thu thuần là 106.791.686.719 đồng, đạt 101,6 % so với kế hoạch, mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ vào tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty như: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông các công trình trên tuyến Công ty quản lý, điều tiết chống va trôi, kinh doanh xăng dầu.

Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cấp ngày 14/7/2016 được gia hạn đến ngày 27/12/2021; trực tiếp tham gia chăm sóc khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình bán hàng và chủ động đề xuất bổ sung cho phù hợp.

**Lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt được là:      đồng.

**Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế:****ĐVT: VND**

Chỉ tiêu	Số dư ngày 1/1/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp ngày 31/12/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>1.341.471.033</b>	<b>3.595.802.572</b>	<b>2.837.969.598</b>	<b>2.099.304.007</b>
Thuế Giá trị gia tăng	846.952.790	2.981.903.504	2.062.060.030	1.766.796.264
Thuế Thu nhập DN	494.518.243	432.905.041	584.915.541	332.507.743
Thuế Xuất nhập khẩu				
Thuế Thu nhập CN				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		163.994.027	163.994.027	
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác		17.000.000	17.000.000	
<b>Phải thu</b>	<b>441.451.106</b>	<b>117.270.275</b>	<b>61.892.879</b>	<b>386.073.710</b>
Thuế Thu nhập DN			1.024.241	1.024.241
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác			1.000.000	1.000.000
Thuế TNCN	441.451.106	117.270.275	59.868.638	384.049.469

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, năm 2023 của Công ty)***Thu nhập cho cổ đông:**

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán A+, toàn bộ lãi sau thuế năm 2023 của Công ty là: 143.191.365 đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2023 là: 123,44 đồng.

+ Dự kiến chia cổ tức tỷ lệ :	đồng
Số còn lại trích quỹ:	
+ Quỹ đầu tư phát triển	đồng
+ Quỹ Phúc lợi	đồng
+ Quỹ khen thưởng	đồng

**Nhận xét chung:****Ưu điểm:**

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023, thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và lợi nhuận, các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

Tinh thần đoàn kết kỷ luật, sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu chính đề ra đòi sống tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, thu nhập ổn định.

## Những tồn tại cần khắc phục:

Cần chủ động công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng những tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị mới đầu tư để nâng cao uy tín của Công ty trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản:

Thực trạng về tài sản cố định theo số liệu báo cáo kiểm toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2023 tổng tài sản của Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 như sau:

**Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2023**

Tài sản	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Thay đổi 2023 so với 2022 (%)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>76.602.922.904</b>	<b>62.859.944.739</b>	<b>82,1%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.029.586.713	3.294.142.468	65,5%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	61.754.043.545	50.942.622.089	82,5%
IV. Hàng tồn kho	9.377.841.540	8.237.106.472	87,8%
V. Tài sản ngắn hạn khác	441.451.106	386.073.710	87,5%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>8.269.599.012</b>	<b>8.051.636.999</b>	<b>97,4%</b>
II. Tài sản cố định	7.393.294.095	6.913.893.302	93,5%
IV. Tài sản dở dang dài hạn		413.518.518	
VI. Tài sản dài hạn khác	876.304.917	724.225.179	82,6%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>84.872.521.916</b>	<b>70.911.581.738</b>	<b>83,6%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 của CTCP QLĐS số 4)

**Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2023**

ĐVT: VND

Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại 01/01/2023	10.490.578.353	1.054.901.870	21.003.033.673	46.000.000	32.594.513.896
Tăng trong năm	171.600.000		936.440.000		1.108.040.000
Mua trong năm	171.600.000		936.440.000		1.108.040.000
<b>Giảm trong năm</b>					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư tại 31/12/2023	10.662.178.353	1.054.901.870	21.939.473.673	46.000.000	33.702.553.896
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại 01/01/2023	6.329.872.095	815.781.442	18.009.566.264	46.000.000	25.201.219.801
Tăng trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409		1.587.440.793
Khấu hao trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409		1.587.440.793
<b>Giảm trong năm</b>					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư tại 31/12/2023	7.055.769.831	889.105.090	18.797.785.673	46.000.000	26.788.660.594
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2023	4.160.706.258	239.120.428	2.993.467.409		7.393.294.095
Tại 31/12/2023	3.606.408.522	165.796.780	3.141.688.000		6.913.893.302

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, năm 2023 của Công ty)

**b) Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023:**

**Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty 2022-2023**

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Thay đổi 2023 so với 2022 (%)
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>70.680.541.310</b>	<b>58.273.390.373</b>	<b>82,4%</b>
<b>I.Nợ ngắn hạn</b>	<b>70.680.540.310</b>	<b>58.273.390.373</b>	<b>82,4%</b>
1.Phải trả người bán ngắn hạn	3.665.641.742	5.577.090.143	152,1%
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.528.307.909	3.099.443.871	32,5%
3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.341.471.033	2.099.304.007	156,5%
4.Phải trả người lao động	337.156.147		
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	354.829.090		
9.Phải trả ngắn hạn khác	24.038.484.314	14.063.846.866	58,5%
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31.164.231.180	33.026.454.985	106%
12.Quỹ khen thưởng phúc lợi	250.418.895	407.250.401	162%
<b>II.Nợ dài hạn</b>			
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022,2023 của CTCP QLĐS số 4)

**c) Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2023:**

**Bảng số 11: Tình hình nợ phải thu của Công ty 2022-2023**

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Thay đổi 2023 so với 2022 (%)
<b>Nợ phải thu</b>	<b>61.754.043.545</b>	<b>50.942.622.089</b>	<b>82,5%</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.089.061.387	31.467.314.346	98,1%
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	742.428.163	180.946.851	24,4%
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.500.000.000	1.250.000.000	83,3%
6.Phải thu ngắn hạn khác	27.422.553.995	18.044.360.892	65,8%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022,2023 của CTCP QLĐS số 4)

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Trong giai đoạn hiện nay hoạt động sản xuất kinh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu quản lý bảo trì giảm mạnh, cạnh tranh cùng ngành nghề diễn ra gay gắt, sức ép chi phí tiền lương và an sinh xã hội rất lớn.

Công tác đầu thầu các gói bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa năm 2023 đảm bảo tiến độ đề ra.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty, định hướng mục tiêu cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

#### 4.1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2024

##### Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

*ĐVT: VND đồng*

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu (ước đạt)	90.183.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế (ước đạt)	2.000.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (ước đạt)	1.520.000.000
a	Chia cổ tức (Dự kiến 10% - tương ứng 1.000 đồng/cổ phần)	1.160.000.000
	Trong đó: Trả cổ tức bằng tiền mặt %/cổ phần (1 cổ phần được nhận đồng)	
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	360.000.000
4	Tổng số lao động bình quân (Tạm tính)	200
5	Thu nhập BQ người lao động tạm tính (đồng/người/tháng)	8.400.000

#### 4.2. Các biện pháp để hoàn thành kế hoạch:

**Một là:** Tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chức năng đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Bắc Giang tạo điều kiện hỗ trợ Công ty về cơ chế, chính sách, đặt hàng, chỉ định thêm các công trình trên địa bàn tuyến.

**Hai là:** Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị trú trọng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới gia tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế mở, cụ thể ban lãnh đạo đưa ra giải pháp:

Áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động của Công ty. Năm 2015, Công ty đã triển khai hợp đồng với Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT tư vấn TCVN ISO 9001-2015 ban hành quy trình quản lý chất lượng, ban hành quy chế quản trị nội bộ mang tính chuyên sâu và theo sát các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Ngày 14/7/2016 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng Cục đo lường chất lượng cấp Quyết định số 4060/QĐ-QUACERT về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong lĩnh vực hoạt động: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (Giấy chứng nhận số: HT 3693.16.34)

Ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu: 14/7/2016

Ngày 07/5/2021 Trung tâm Chứng nhận phù hợp cấp giấy chứng nhận số: 727/QUACERT-KT v/v duy trì chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực hoạt động: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Điều tiết không chế bảo đảm giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa; Sản xuất và lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa phù hợp với tiêu chuẩn: TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015

Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng nhân tố con người là nhân tố quyết định trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã và đang cử cán bộ, người lao động đi đào tạo mới và đào tạo lại với kỳ vọng lực lượng lao động của Công ty sẽ tham gia vào thị trường lao động ngày càng sôi động của địa phương.

**Ba là:** Phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi người lao động, đặc biệt là bộ phận quản lý công ty, người đứng đầu các bộ phận, tăng cường đoàn kết trong nội bộ đơn vị, tăng cường hơn nữa sự đồng thuận, đoàn kết của cán bộ công nhân viên chung sức, đóng góp về trí tuệ, vốn, công sức góp phần xây dựng đơn vị phát triển qua giai đoạn khởi nghiệp khó khăn.

**Bốn là:** Tái cơ cấu dây truyền, quy mô các bộ phận sản xuất để phù hợp với tỷ trọng doanh thu, chi phí giữa các lĩnh vực kinh doanh. Duy trì quy mô lĩnh vực thương mại cũ là dầu diezen đã được triển khai và bước đầu cho thấy kết quả khả quan.

**Năm là:** Phục vụ cho việc tăng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, công ty trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho chủ trương tăng huy động vốn bằng biện pháp kết hợp hai hình thức huy động vốn tại chỗ từ cán bộ công nhân viên trong Công ty và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty xem xét cân nhắc tính hiệu quả của từng phương án đưa ra tỷ trọng của các hình thức huy động vốn trên một cách hợp lý.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Không có

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty**

##### ***a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:***

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

##### ***b) Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:***

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có tiến bộ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

##### ***c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:***

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào miền trung...

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

Năm 2022 vượt qua những khó khăn do hậu dịch bệnh COVID19, thách thức của nền kinh tế, với kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã khắc phục những tồn tại, tìm ra những giải pháp phù hợp lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022.

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành đường thủy nội địa, Công ty chủ động trong lựa chọn trong cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị; huy động cân đối nguồn vốn; đào tạo nâng cao trình độ người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong lựa chọn, sử dụng cán bộ để phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm của cá nhân, tập thể người lao động; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời, cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của cán bộ công nhân viên để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, có biện pháp chỉ đạo kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Chấp hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Dự báo năm 2023 do ảnh hưởng của hậu dịch COVID-19 và chiến tranh tại Châu Âu nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đối với Công ty.

Trước những khó khăn cấp bách hiện nay, Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động; Tiếp tục ổn định bán lẻ xăng dầu, tiếp cận các dự án của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để xúc tiến công tác đấu thầu giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng.

Chủ động, phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực: lao động, thiết bị và cơ sở vật chất sẵn có hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023.

## V- Công tác quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên Hội đồng quản trị

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 22/04/2022, Đại hội đã thống nhất và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

**Bảng số 12: Danh sách thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền BQ
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	15,75%
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	20,45%
3	Trịnh Đình Kiên	1969	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	7,63%
4	Trần Văn Ôn	1970	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kinh tế	7,33%
5	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	6,40%
6	Vũ Xuân Trường	1978	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	6,27%
7	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	5,64%

**Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:**

**1. Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>DƯƠNG HẢI THANH</b>
<b>Căn cước công dân số:</b>	0360680045xx cấp ngày 27/12/2021 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.
<b>Ngày sinh:</b>	04/04/1968
<b>Quốc tịch:</b>	Việt Nam
<b>Dân tộc:</b>	Kinh
<b>Địa chỉ thường trú:</b>	Đội Cán – Ba Đình – Hà Nội
<b>Địa chỉ hiện tại:</b>	Đội Cán – Ba Đình – Hà Nội
<b>Trình độ văn hóa:</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn:</b>	Kỹ sư công trình thủy, Cử nhân kinh tế
<b>Quá trình công tác:</b>	
T1/1990-T3/1993	Cán bộ kỹ thuật Đoạn QLĐTND số 4
T4/1993-T11/1997	Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4
T12/1997-T8/2004	Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4
T9/2004-T4/2011	Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
T5/2011-T2/2015	Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 –T4/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
T5/2016 – 18/6/2020	Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Từ 19/6/2020 – 21/04/2022	Chủ Tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 ; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Từ 22/4/2022 đến nay	Chủ Tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 ; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4
<b>Chức vụ hiện nay:</b>	Chủ Tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 ; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu</b>	182.747 cổ phần chiếm 15,75% tổng vốn Điều lệ
<b>Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu</b>	Không
<b>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</b>	Không
<b>Các khoản nợ đối với Công ty</b>	Không
<b>Lợi ích liên quan đến Công ty</b>	Không

## 2. Phạm Hồng Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	PHẠM HỒNG MINH	
- Số CCCD	0270820061xx cấp ngày 18/10/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH	
- Ngày sinh	06/08/1982	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh	
- Địa chỉ hiện tại	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
- Quá trình công tác		
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
23/3/2015-25/4/2016	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4	
25/4/2016 đến 18/6/2020	Thành viên HĐQT – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4	
19/6/2020 đến 21/04/2022	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4	
Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc CTCP QLĐS số 4	
- Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc CTCP QLĐS số 4	
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
- Số lượng cổ phần sở hữu	237.201 cổ phần chiếm 20,45% vốn Điều lệ	
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

### 3. Nguyễn Phi Trường – Thành viên Hội đồng quản trị

<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN PHI TRƯỜNG</b>
- Số CCCD	0270660027xx cấp ngày 29/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mãn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mãn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T1/2012	Kế toán trưởng Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó GD Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 đến 18/6/2020	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
19/6/2020 đến 21/4/2022	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 – Phó Giám đốc; Đảng ủy viên Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027; Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4.
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027; Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	74.214 cổ phần chiếm 6,40% vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**4. Phó Giám đốc: Trần Văn Ôn – Thành viên HĐQT**

<b>Họ và tên</b>	<b>TRẦN VĂN ÔN</b>
- Số CCCD	0360700085xx cấp ngày 13/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	09/01/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại chỉ hiện tại	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T9/1992-T11/2002	Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4
T12/2002-T12/2003	Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T01/2003-T7/2004	Trạm trưởng Trạm QLĐS Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T8/2004-T6/2013	Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4;
T7/2013-T12/2015	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 – 05/02/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
06/02/2017 đến 21/4/2022	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
- Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4;
- Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	85.045 cổ phần chiếm 7,33% Vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

### 5. Phó Giám đốc: Trịnh Đình Kiên – Thành viên HĐQT

Họ và tên	TRỊNH ĐÌNH KIÊM
- Số CCCD	0270690026xx cấp ngày 25/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	12/9/1969
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 5, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh. Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Khu 5, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh. Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T5/1992-T10/2004	Trạm QLĐTND Minh Đạo
T10/2004-T12/2004	Trạm QLĐTND Kiều Lương
T12/2004-T12-2006	Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T12/2006-T2/2015	Đội trưởng Đội Công trình – Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 05/02/2017	Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTND số 4
Từ 06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4 Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn; Bí thư Chi bộ xây dựng công trình.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	88.519 cổ phần chiếm 7,63% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

## 6. Nguyễn Văn Tạng – Thành viên Hội đồng quản trị

<b>Họ và tên</b>	<b>NGUYỄN VĂN TẶNG</b>
- Số CCCD	0270700086xx cấp ngày 18/12/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	03/05/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
- Quá trình công tác	
T9/1992-T12/1992	Đội Khảo sát – Đoạn QLĐS số 4
T1/1993-T12/1993	Trạm QLĐS Minh Đạo – Đoạn QLĐS số 4
T1/1994-T1/2004	Phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐS số 4
T2/2004-T3/2007	Phó phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T4/2007-T2/2005	Trưởng phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 22/2/2018	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
23/2/2018 đến 18/6/2020	Thành viên HĐQT – Trưởng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
19/6/2020 đến 21/04/2022	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 - Đảng ủy viên - Trưởng phòng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 - Đảng ủy viên - Trưởng phòng Dự án Bảo trì đường sông Công ty cổ phần quản lý d số 4;
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	65.477 cổ phần chiếm 5,64% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**7. Vũ Xuân Trường – Thành viên Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>VŨ XUÂN TRƯỜNG</b>
- Số CCCD	0270780103xx ; Ngày cấp: 25/06/2021; do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	30/10/1978
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác	
Từ tháng 11/2001 đến tháng 7/2003	Công tác tại Đội công trình – Đoạn quản lý đường sông số 4
Từ tháng 8/2003 đến tháng 8/2005	Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Bắc Giang
Từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2008	Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Quang Châu
Từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2011	Công tác Tại Đội Công trình – Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4
Từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2015	Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4
Từ tháng 5/2015 đến nay	Công tác tại Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	72.726 cổ phần chiếm 6,27% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận đề đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 446/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/05/2023 Nghị quyết Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2023 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 HĐQT đã lãnh đạo bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động.

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 Hội đồng quản trị tổ chức 10 cuộc họp với nội dung chủ yếu sau:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Dương Hải Thanh	10	100%	
2	Ông Phạm Hồng Minh	10	100%	
3	Ông Nguyễn Phi Trường	10	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Tặng	10	100%	
5	Ông Trần Văn Ôn	10	100%	
6	Ông Trịnh Đình Kiên	10	100%	
7	Ông Vũ Xuân Trường	10	100%	

**Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT (Năm 2023)**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
<b>A</b>	<b>Nghị Quyết HĐQT</b>			
1	Số:112/2023/NQ- HĐQT	06/02/2023	+ Thông qua việc chốt danh sách cổ đông ngày 08/3/2023 phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; + Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mức 10%/1 cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng; Thời gian chi trả bắt đầu từ : 30/6/2022)	100%
2	Số:381/2023/NQ- HĐQT	17/4/2023	+ Thông qua nội dung giao khoản cho Chi nhánh 401, 402, 403. + Thông qua phương án đầu tư năm 2023.	100%
3	Số: 497/2023/NQ -HĐQT	29/5/2023	Thông qua chủ trương thành lập Ban xây dựng đề án tái cấu trúc mô hình Công ty giai đoạn 2024 – 2030.	100%
4	Số: 703/2023/NQ -HĐQT	5/9/2023	Thông nhất và giao Ban Giám đốc thực hiện vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong tháng 9 năm 2023.	100%
<b>B</b>	<b>Quyết định HĐQT</b>			
1	Số: 501/2023/QĐ -HĐQT	30/5/2023	Quyết định thành lập Ban xây dựng Đề án tái cấu trúc mô hình quản lý Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 giai đoạn 2024 – 2030.	
2	Số: 717/2023/QĐ – HĐQT	22/9/2023	Quyết định thành lập Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 404;	
3	Số: 718/2023/QĐ – HĐQT	22/9/2023	Quyết định thành lập Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 405;	
4	Số: 719/2023/QĐ – HĐQT	22/9/2023	Quyết định thành lập Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 406;	

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, Công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, có mối liên hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự ủy quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức lãnh đạo quản lý điều hành công ty.

- b) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- c) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

**Bảng 13: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ QLHCNN
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên chính
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT- Giám đốc	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên chính
4	Trịnh Đình Kiên	1969	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên
5	Trần Văn Ôn	1970	Thành viên HĐQT	Cử nhân Kinh tế	Chuyên viên
6	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên
7	Vũ Xuân Trường	1978	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên

## 1.2. Ban Kiểm soát:

**Bảng 14: Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Văn Hanh	1971	Trưởng ban KS	Kỹ sư Công trình thủy	4,61%
2	Vũ Như Lập	1965	Thành viên	Kỹ sư Công trình thủy	1,25%
2	Nguyễn Thị Hằng	1981	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	0,31%

**Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:**

**1. Phạm Văn Hanh – Trưởng Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>PHẠM VĂN HANH</b>
- Số CCCD	0240710029xx cấp ngày 10/05/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	20/11/1971
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T12/2002-T4/2007	Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4
T4/2007-T10/2009	Trạm Phó Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4
T10/2009-T2/2011	Phó trạm trưởng phụ trách Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Bí thư chi bộ sản xuất I -Đoạn QLĐTND số 4
T2/2011-T9/2011	Phó trưởng phòng TCHC – Đảng ủy viên Đoạn QLĐTND số 4
T9/2011-T2/2015	Đảng ủy viên – Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng TCHC Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 23/04/2017	Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
24/4/2017 đến 18/6/2020	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
19/6/2020 đến nay 21/4/2022	Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025; Ủy viên ban thường vụ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLBT ĐTNĐ số 4
Từ 22/4/2022 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Ủy viên ban thường vụ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLĐS số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Ủy viên ban thường vụ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLĐS số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	53.458 cổ phần chiếm 4,61% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với C.ty	Không

## 2. Nguyễn Thị Hằng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	NGUYỄN THỊ HẰNG
- Số CCCD	0271810013xx ngày cấp 15/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	26/12/1981
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ hiện tại	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
Tháng 8/2003-15/10/2012	Kế toán Tiết kiệm Bru điện, Bru điện Tỉnh Bắc Ninh
Từ 16/10/2012- 04/3/2015	Nhân viên Đội Công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/3/2015 đến 23/4/2017	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình – Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 – 11/2019	Trưởng Ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình (Nay là Xí nghiệp thương mại Xăng dầu) – Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
T 12/2019 – 18/6/2020	Trưởng Ban kiểm soát – PGĐ Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
19/6/2020 đến 21/4/2022	Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 – PGĐ Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 – PGĐ Chi nhánh Xăng dầu - Công ty cổ phần QLĐS số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 – PGĐ Chi nhánh Xăng dầu - Công ty cổ phần QLĐS số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	3.626 cổ phần chiếm 0,31% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

### 3. Vũ Như Lập – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Vũ Như Lập
- Số CCCD	0370650065xx cấp ngày 25/6/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp
- Ngày sinh	07/09/1965
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh BN
- Địa chỉ hiện tại	Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh BN
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T10/1990 đến T10/1991	Công nhân Đội khảo sát – XN quản lý GTĐT2 Hà Bắc
T11/1991 đến T2/1992	Công nhân kỹ thuật Trạm QLĐTND Minh Đạo, Xí nghiệp QLGT đường thủy 2
T3/1992 đến T12/1994	Cán bộ kỹ thuật, UBKT Công đoàn, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Văn phòng Đoàn ĐS số 4
T1/1995 đến T8/1998	Cán bộ kỹ thuật, UBKT Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn TN Đoàn Đường sông số 4
T9/1998 đến T6/2002	Kết nạp Đảng ngày 07/9/1999; Văn phòng Đảng ủy; CBKT; Ủy viên BCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN Đoàn QLĐS số 4
T7/2002 đến T8/2005	Đảng ủy viên; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn.
T9/2005 đến T10/2010	Đảng ủy viên; Ủy viên UBKT Đảng ủy; Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng kiêm Văn phòng Đảng ủy; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn
T8/2010 đến T8/2012	Đảng ủy viên; Ủy viên UBKT Đảng ủy; Bí thư Chi bộ Văn phòng kiêm Văn phòng Đảng ủy; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn
T9/2012 đến T2/2018	Phó Phòng Kỹ thuật, Ủy viên UBKT Đảng ủy
T3/2018 đến T3/2019	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng KD DA2, Ủy viên UBKT Đảng ủy
T4/2019 đến 21/4/2022	Phó chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; Trưởng Phòng KD DA2
Từ 22/4/2022 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách nhiệm kỳ 2022 – 2025; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách nhiệm kỳ 2022 – 2025; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Số lượng cổ phần đang nắm giữ	14.504 cổ phần chiếm 1,25% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

**a) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật Công ty.

+ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

+ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán để xem xét những ảnh hưởng sai sót kế toán kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

+ Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải quyết thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị thành viên Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

**Bảng 15: BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 (TỪ 01/01/2023 ĐẾN 31/12/2023)**

ĐVT: VND

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	468.400.000	
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	461.380.000	
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	270.400.000	
4	Trịnh Đình Kiên	1969	Thành viên HĐQT	316.000.000	
5	Trần Văn Ôn	1970	Thành viên HĐQT	313.000.000	
6	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	279.400.000	
7	Vũ Xuân Trường	1978	Thành viên HĐQT	283.000.000	
8	Phạm Văn Hanh	1971	Trưởng ban KS	222.006.750	
9	Nguyễn Thị Hằng	1981	Thành viên Ban KS	96.961.440	
10	Vũ Như Lập	1965	Thành viên Ban KS	199.020.000	
	<b>Cộng</b>			<b>2.909.560.000</b>	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: 50.000 cổ phần

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:      cổ phần.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã triển khai xây dựng và hệ thống nội quy, quy chế về quản trị giúp Ban Giám đốc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, được kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mặt khác đưa ra các yêu cầu về trách nhiệm giải trình trong việc quản lý về kiểm soát các nguồn lực nhằm đạt được sự hài hòa tối đa giữa lợi ích của cá nhân, của công ty và của xã hội.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán A+ lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 được lập ngày 10 tháng 4 năm 2024 từ trang 01 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết

thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 được đăng tải trên website của Công ty : [www.inwama4.vn](http://www.inwama4.vn)

**Nơi nhận:**

- Đăng trên Websits Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT; thư ký HĐQT.

**GIÁM ĐỐC**



**Phạm Hồng Minh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG CÔNG TY  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán Văn phòng Công ty	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Văn phòng Công ty	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty	9 - 26



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Tạng	Thành viên
	Ông Trần Văn Ôn	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên
	Ông Trịnh Đình Kiên	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán A+.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty để Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Hồng Minh**  
**Giám đốc**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024



Số: 42/2024/BCKT-BCTCVP/A+

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2024, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Văn phòng Công ty, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.019.467.758</b>	<b>75.840.797.143</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.124.514.055</b>	<b>4.652.762.783</b>
1. Tiền	111		3.124.514.055	4.652.762.783
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.273.797.762</b>	<b>61.368.741.714</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	28.797.608.617	29.378.191.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	180.946.851	742.428.163
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		881.402	3.482.342
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	1.250.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	18.044.360.892	29.744.639.245
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.237.106.472</b>	<b>9.377.841.540</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	8.237.106.472	9.377.841.540
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>384.049.469</b>	<b>441.451.106</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	384.049.469	441.451.106
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.051.636.999</b>	<b>8.269.599.012</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.913.893.302</b>	<b>7.393.294.095</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.913.893.302	7.393.294.095
- Nguyên giá	222		33.702.553.896	32.594.513.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.788.660.594)	(25.201.219.801)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>413.518.518</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		413.518.518	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>724.225.179</b>	<b>876.304.917</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	724.225.179	876.304.917
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>68.071.104.757</b>	<b>84.110.396.155</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>55.434.468.264</b>	<b>69.924.100.670</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>55.434.468.264</b>	<b>69.924.100.670</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.225.123.738	3.665.641.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.625.051.704	9.279.480.872
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.092.426.616	1.333.858.430
4. Phải trả người lao động	314		-	337.156.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	-	354.829.090
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	14.063.846.866	24.038.484.314
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	33.026.454.985	30.664.231.180
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		401.564.355	250.418.895
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>12.636.636.493</b>	<b>14.186.295.485</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>12.636.636.493</b>	<b>14.186.295.485</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		778.000.000	778.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.636.493	1.691.295.485
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		141.636.493	1.691.295.485
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>68.071.104.757</b>	<b>84.110.396.155</b>

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	106.348.056.980	105.576.942.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		106.348.056.980	105.576.942.764
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	90.176.766.663	88.551.825.290
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.171.290.317</b>	<b>17.025.117.474</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	187.291.102	5.040.961
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.907.346.414	2.414.299.607
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.907.346.414</i>	<i>2.414.299.607</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	2.956.404.337	3.150.098.328
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	9.447.004.849	9.000.276.939
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.047.825.819</b>	<b>2.465.483.561</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	1.254.159	-
12. Chi phí khác	32	5.21	474.935.742	281.091.364
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(473.681.583)</b>	<b>(281.091.364)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>574.144.236</b>	<b>2.184.392.197</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	432.507.743	493.096.712
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>141.636.493</b>	<b>1.691.295.485</b>

Người lập biểu



**Chu Thị Thập**

Kế toán trưởng



**Vũ Xuân Trường**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024  
Giám đốc



**Phạm Hồng Minh**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VĂN PHÒNG CÔNG TY**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		574.144.236	2.184.392.197
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.587.440.793	1.515.580.373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(187.291.102)	(5.040.961)
- Chi phí lãi vay	06		2.907.346.414	2.414.299.607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.881.640.341	6.109.231.216
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.238.697.206	(20.603.837.151)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.140.735.068	(3.560.222.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.842.412.702)	9.123.333.152
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		152.079.738	(258.648.412)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.907.346.414)	(2.414.299.607)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(593.096.712)	(55.603.271)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(380.150.025)	(360.137.494)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.309.853.500)	(12.020.183.567)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.521.558.518)	(336.707.879)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100.939.485	5.040.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.420.619.033)	(331.666.918)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		80.956.283.496	66.291.675.149
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(78.594.059.691)	(56.669.707.315)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.160.000.000)	(1.044.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.202.223.805	8.577.967.834
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.528.248.728)	(3.773.882.651)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.652.762.783	8.426.645.434
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.124.514.055	4.652.762.783

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng), được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

##### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

#### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có Chi nhánh trực thuộc:

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Bắc Giang	Số 86 đường Châu Xuyên, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
2	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn, Phường Quang Châu, Thị xã Việt Yên, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
3	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Lục Nam	Thôn Già Khê, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
4	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Bồ Hạ	Phố Gia Lâm, Thị trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
5	Chi nhánh Trạm Quản lý đường thủy nội địa Đa Phúc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4	Xóm Công Thương, Phường Thuận Thành, Thành phố Phố Yên, Thái Nguyên	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
6	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Nam Định	Km32 Sông Đào thôn Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Nam Định	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
7	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 402	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
8	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 401	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
9	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Đầu tư - Xây dựng	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Xây dựng công trình
10	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Xăng Dầu	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu
11	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 403	Thôn Đạo Ngạn, Phường Quang Châu, Thị xã Việt Yên, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

12	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Công trình	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Xây dựng công trình
13	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 406	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
14	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 405	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

chính Văn phòng Công ty. Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

##### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50 năm	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	03-07 năm	03-07 năm
Phương tiện vận tải	07-15 năm	07-15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm	05 năm

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

##### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO) Mẫu B 09-DN

Mức ưu đãi thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	137.791.756	246.477.883
Tiền gửi ngân hàng	2.986.722.299	4.406.284.900
<b>Cộng</b>	<b>3.124.514.055</b>	<b>4.652.762.783</b>

##### 5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>28.797.608.617</b>	<b>29.378.191.964</b>
Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	5.302.978.812	13.082.871.300
Công ty Cổ phần Vận tải Á Đông	3.328.982.322	3.497.935.358
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Phát	5.788.261.371	2.322.038.677
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh	1.977.973.000	1.977.973.000
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Từ Sơn	740.759.000	2.616.375.387
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.658.654.112	5.880.998.242
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.797.608.617</b>	<b>29.378.191.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>180.946.851</b>	<b>742.428.163</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại 568	80.000.000	80.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Linh Bắc Ninh	-	280.603.862
Công ty TNHH Du lịch tàu thuyền Minh Trí	-	214.000.000
Trả trước đối tượng khác	100.946.851	167.824.301
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>180.946.851</b>	<b>742.428.163</b>

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trình Đình Sớm	1.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Tiến Huy	250.000.000	500.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

**5.5 Phải thu khác**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.044.360.892</b>	-	<b>29.744.639.245</b>	-
- Tạm ứng	1.647.842.034	-	2.445.092.274	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.274.343.190	-	2.175.796.418	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	13.036.595.406	-	21.868.931.570	-
- Phải thu lãi cho vay	86.351.617	-	-	-
- Phải thu khác gồm:	1.999.228.645	-	3.254.818.983	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.044.360.892</b>	-	<b>29.744.639.245</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	7.291.066.147	-	6.414.377.665	-
Hàng hóa	946.040.325	-	2.963.463.875	-
<b>Cộng</b>	<b>8.237.106.472</b>	-	<b>9.377.841.540</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	10.490.578.353	1.054.901.870	21.003.033.673	46.000.000	32.594.513.896
Tăng trong năm	171.600.000	-	936.440.000	-	1.108.040.000
Mua trong năm	171.600.000	-	936.440.000	-	1.108.040.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	10.662.178.353	1.054.901.870	21.939.473.673	46.000.000	33.702.553.896
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	6.329.872.095	815.781.442	18.009.566.264	46.000.000	25.201.219.801
Tăng trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409	-	1.587.440.793
Khấu hao trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409	-	1.587.440.793
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	7.055.769.831	889.105.090	18.797.785.673	46.000.000	26.788.660.594
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2023	4.160.706.258	239.120.428	2.993.467.409	-	7.393.294.095
Tại 31/12/2023	3.606.408.522	165.796.780	3.141.688.000	-	6.913.893.302



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	724.225.179	876.304.917
Chi phí công cụ, dụng cụ	204.013.529	216.586.727
Chi phí đào tạo, chi phí sửa chữa	520.211.650	659.718.190
<b>Cộng</b>	<b>724.225.179</b>	<b>876.304.917</b>

**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.225.123.738</b>	<b>3.225.123.738</b>	<b>3.665.641.742</b>	<b>3.665.641.742</b>
Công ty Cổ phần Petro Times	345.105.500	345.105.500	-	-
Công ty CP Đảm bảo An toàn Đường thủy Mạnh Hưng	684.119.326	684.119.326	553.486.000	553.486.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	302.220.000	302.220.000	367.550.000	367.550.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại Tâm	968.740.720	968.740.720	968.740.720	968.740.720
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	30.000.000	30.000.000	967.750.569	967.750.569
Công ty TNHH TM và DV Trung Điền	351.494.000	351.494.000	351.494.000	351.494.000
Phải trả đối tượng khác	543.444.192	543.444.192	456.620.453	456.620.453
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.225.123.738</b>	<b>3.225.123.738</b>	<b>3.665.641.742</b>	<b>3.665.641.742</b>

**5.10 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.625.051.704</b>	<b>9.279.480.872</b>
BQLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông, Nông nghiệp Bắc Giang	1.689.604.000	7.540.000.000
BQLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Bắc Giang	-	650.000.000
Đối tượng khác	935.447.704	1.089.480.872
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.625.051.704</b>	<b>9.279.480.872</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>1.333.858.430</b>	<b>3.587.511.680</b>	<b>2.828.943.494</b>	<b>2.092.426.616</b>
Thuế giá trị gia tăng	840.761.718	2.975.009.910	2.055.852.755	1.759.918.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.096.712	432.507.743	593.096.712	332.507.743
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	163.994.027	163.994.027	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>441.451.106</b>	<b>117.270.275</b>	<b>59.868.638</b>	<b>384.049.469</b>
Thuế thu nhập cá nhân	441.451.106	117.270.275	59.868.638	384.049.469

**5.12 Chi phí phải trả**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	<b>354.829.090</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	-	245.454.545
Chi phí thuê tài sản	-	109.374.545
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>354.829.090</b>

**5.13 Các khoản phải trả phải nộp**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.063.846.866</b>	<b>24.038.484.314</b>
Bảo hiểm xã hội	-	378.111.070
Bảo hiểm y tế	-	1.000.800
Bảo hiểm thất nghiệp	-	222.400
Phải trả, phải nộp khác	14.063.846.866	23.659.150.044
<i>Phải trả các xí nghiệp, các trạm</i>	<i>14.037.913.304</i>	<i>23.649.386.044</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>25.933.562</i>	<i>9.764.000</i>
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.063.846.866</b>	<b>24.038.484.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Vay và Nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>80.956.283.496</b>	<b>78.594.059.691</b>	<b>30.664.231.180</b>	<b>30.664.231.180</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	-	-	4.330.701.520	6.477.701.520	2.147.000.000	2.147.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Ninh (1)	6.908.389.410	6.908.389.410	24.885.987.418	24.719.394.899	6.741.796.891	6.741.796.891
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh (2)	14.951.484.640	14.951.484.640	42.689.051.878	40.841.816.200	13.104.248.962	13.104.248.962
Vay cá nhân (3)	11.166.580.935	11.166.580.935	9.050.542.680	6.410.000.000	8.526.038.255	8.526.038.255
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	-	-	-	145.147.072	145.147.072	145.147.072
<b>Tổng</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>80.956.283.496</b>	<b>78.594.059.691</b>	<b>30.664.231.180</b>	<b>30.664.231.180</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 2602-LAV-202301956 ngày 31/10/2023 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4. Hạn mức cấp tín dụng: 12.000.000.000 đồng, trong đó, hạn mức cho vay là 7.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đầu Diezen, bảo trì đường thủy, xây dựng công trình. Thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 31/10/2024. Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.

(2) Hợp đồng số BNH/22188 ngày 29/11/2022 giữa Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Bắc Ninh và Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 4. Hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thẻ chào mừng toàn hộ Tài sản gắn liền với đất và lợi thế quyền sử dụng cơ sở hạ tầng gắn liền với đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, Địa chỉ: Phường Đại phúc, TP Bắc Ninh và thửa đất số 107, tờ bản đồ số 77, Địa chỉ: Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 188834, Số vào sổ cấp GCN: CT08273 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 07/10/2015.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân là hợp đồng không thời hạn, lãi vay 12%/năm. Trả lãi hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	11.600.000.000	117.000.000	678.000.000	1.705.859.626	14.100.859.626
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.691.295.485	1.691.295.485
Phân phối lợi nhuận	-	-	100.000.000	(661.859.626)	(561.859.626)
Chia cổ tức (năm 2021)	-	-	-	(1.044.000.000)	(1.044.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>778.000.000</b>	<b>1.691.295.485</b>	<b>14.186.295.485</b>
Số dư tại 01/01/2023	11.600.000.000	117.000.000	778.000.000	1.691.295.485	14.186.295.485
Lãi trong năm nay	-	-	-	141.636.493	141.636.493
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(531.295.485)	(531.295.485)
Chia cổ tức (năm 2022)	-	-	-	(1.160.000.000)	(1.160.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>778.000.000</b>	<b>141.636.493</b>	<b>12.636.636.493</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn Nhà Nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.160.000.000</b>	<b>1.044.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	66.691.650.353	61.898.553.862
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	39.656.406.627	43.678.388.902
<b>Cộng</b>	<b>106.348.056.980</b>	<b>105.576.942.764</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	63.937.737.929	59.003.157.839
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	26.239.028.734	29.548.667.451
<b>Cộng</b>	<b>90.176.766.663</b>	<b>88.551.825.290</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	187.291.102	5.040.961
<b>Cộng</b>	<b>187.291.102</b>	<b>5.040.961</b>

**5.19 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	2.907.346.414	2.414.299.607
<b>Tổng</b>	<b>2.907.346.414</b>	<b>2.414.299.607</b>

**5.20 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>2.956.404.337</b>	<b>3.150.098.328</b>
Chi phí nhân viên	1.691.235.898	1.099.193.446
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	228.097.418	456.517.923
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	13.144.433	11.121.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	531.139.692	531.139.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.727.845	107.787.049
Chi phí bằng tiền khác	392.059.051	944.338.368
<b>b. Chi phí quản lý</b>	<b>9.447.004.849</b>	<b>9.000.276.939</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.932.237.933	5.250.942.690
Chi phí vật liệu quản lý	215.078.278	186.671.819
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.167.842	217.963.595
Chi phí khấu hao TSCĐ	545.054.100	548.750.042
Thuế phí và lệ phí	278.308.200	150.552.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.689.393	101.447.411
Chi phí bằng tiền khác	2.246.469.103	2.543.949.363
<b>Cộng</b>	<b>12.403.409.186</b>	<b>12.150.375.267</b>

**5.21 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	1.254.159	-
<b>Cộng</b>	<b>1.254.159</b>	<b>-</b>
<b>b. Chi phí khác</b>		
Giảm trừ kinh phí cứu nạn	-	160.056.149
Các khoản phạt, truy thu	474.328.665	121.035.215
Chi phí khác	607.077	-
<b>Cộng</b>	<b>474.935.742</b>	<b>281.091.364</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(473.681.583)</b>	<b>(281.091.364)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>574.144.236</b>	<b>2.184.392.197</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	-	-
Chi phí lãi vay theo ND 132	1.113.458.735	-
Chi phí không hợp lệ	474.935.742	281.091.364
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.162.538.713</b>	<b>2.465.483.561</b>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>432.507.743</b>	<b>493.096.712</b>
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	432.507.743	493.096.712
<b>Cộng</b>	<b>432.507.743</b>	<b>493.096.712</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Số dư và giao dịch các bên liên quan****Giao dịch các bên liên quan**

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
	<b>Chức danh</b>		
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị</i>			
Phạm Hồng Minh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Phi Trường	Thành viên	-	6.000.000
Phạm Văn Hanh	Thành viên	-	6.000.000
Nguyễn Văn Tặng	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Trần Văn Ôn	Thành viên	18.000.000	12.000.000
Vũ Xuân Trường	Thành viên	18.000.000	12.000.000
Trịnh Đình Kiên	Thành viên	18.000.000	12.000.000
<i>Thù lao thành viên Ban kiểm soát</i>			
Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	-	6.000.000
Trần Thị Thoan	Thành viên	-	4.000.000
Lê Cao Khánh	Thành viên	-	4.000.000
Phạm Văn Hanh	Trưởng ban	18.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	12.000.000	8.000.000
<i>Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>			
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	468.400.000	361.661.000
Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT	443.380.000	345.713.500
	Giám đốc		
Nguyễn Phi Trường	Thành viên HĐQT	270.400.000	264.956.000
Nguyễn Văn Tặng	Thành viên HĐQT	261.400.000	249.508.500
Trần Văn Ôn	Thành viên HĐQT	295.600.000	267.058.500
	Phó Giám đốc		
Trịnh Đình Kiên	Thành viên HĐQT	298.000.000	267.058.500
	Phó Giám đốc		
Vũ Xuân Trường	Thành viên HĐQT	265.000.000	221.662.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG CÔNG TY (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của toàn Công ty đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Người lập biểu**



**Chu Thị Thập**

**Kế toán trưởng**



**Vũ Xuân Trường**

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

**Giám đốc**



**Phạm Hồng Minh**

